| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **407**/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 16-5-2022
*"V/v tranh chấp: Ly hôn"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ***Ông Nguyễn Đức Quân***.
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. **Bà Nguyễn Minh Phương;**
2. **Bà Lê Thị Thu Hương**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông **Trần Hoàng Chương** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 961/2021/TLST - HNGĐ ngày 20/12/2021 về việc Tranh chấp ly hôn; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 22/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐ-HPT ngày 18/4/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị P**, sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú: xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa; Địa chỉ: quận Ba Đình, Hà Nội; Có mặt.

*Bị đơn:* **Anh Phạm Ngọc S**, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hóa; Tạm trú: quận Đống Đa, Hà Nội; Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn ly hôn đề ngày 03/12/2021 và các văn bản trình bày tại Tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị P trình bày*:

Chị và anh Phạm Ngọc S kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/12/2020.

Sau khi kết hôn anh chị cư trú tại phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội cùng gia đình nhà anh S; Đến tháng 05/2021 anh chị chuyển đến cư trú tại Hồ Đắc Di, quận Đống Đa, Hà Nội.

Quá trình chung sống, anh chị ít khi nói chuyện với nhau, giao tiếp chỉ khi thật cần thiết; trong cuộc sống cũng có những xích mích, va chạm, vợ chồng không có sự thương yêu, đến tháng 6/2021 chị chuyển đi nơi khác cư trú, đến tháng 9/2021 chị quay về ở cùng anh S được khoảng 01 tháng, nhưng trong thời gian đó cuộc sống chung của anh chị vẫn không có gì thay đổi, vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung,

lạnh nhạt, không giao tiếp nên từ ngày 05/10/2021 cho đến nay chị đã chuyển đi nơi khác cư trú, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Ngoài yêu cầu ly hôn, chị P không có yêu cầu nào khác.

* ***Bị đơn - anh Phạm Ngọc S***: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S nhưng anh S đều vắng mặt, không đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự.

**Tại phiên tòa:**

* Chị Nguyễn Thị P có mặt; chị vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Đơn ly hôn và các văn bản trình bày tại Tòa. Cụ thể:

- Tình cảm: Chị xác nhận việc chị và anh S kết hôn là tự nguyện, tuy nhiên, việc kết hôn là do cả anh và chị vội vàng, nên trong quá trình vợ chồng chung sống không có sự thương yêu, không có sự cảm thông, chia sẻ, vợ chồng lạnh nhạt. Chị xác định tình cảm vợ chồng không, chị xin ly hôn.

- Con chung: Không có.

- Tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

* Anh Phạm Ngọc S đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án; các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh Phạm Ngọc S. Anh S cư trú tại phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P đối với anh Phạm Ngọc S. Con chung: Không có. Tài sản chung: Chị P không yêu cầu nên không xét. Án phí: Chị P phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

1. **Tố tụng**:

- Thẩm quyền: Trước và tại thời điểm thụ lý, anh S cư trú tại phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội; Sau khi Tòa án thụ lý và tống đạt thông báo thụ lý anh S đã chuyển đi nơi khác không thông báo gì. Chị Nguyễn Thị P có đơn xin ly hôn anh S tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng thẩm quyền.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Tại Quyết định xét xử, kiểm sát viên là bà Phạm Hà Thanh. Căn cứ Quyết định phân công kiểm sát viên số 335 ngày 14/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, ông Trần Hoàng Chương tiến hành tố tụng tại phiên tòa là phù hợp với Điều 21, Điều 58, Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị P và anh S; anh S đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa lần 2 hợp lệ nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

2. **Nội dung**:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị P và anh S kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/12/2020; Căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, xác nhận hôn nhân giữa chị P và anh S là hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự, tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được, thấy: Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không có sự cảm thông, thấu hiểu, không chia sẻ được với nhau, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau…, anh chị mỗi người một nơi, không quan tâm, không chăm sóc nhau, việc ai người đó làm, không có sự gắn kết yêu thương, cảm thông và chia sẻ. Tòa án đã nhiều lần thông báo anh S đến Toà để giải quyết vụ án, tham gia hoà giải theo quy định nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do; Bản thân chị P xác nhận trong suốt thời gian hôn nhân cả chị và anh S đều không có hạnh phúc, cả hai đều mệt mỏi; Toà án cũng tạo điều kiện về thời gian để anh chị chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng song từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, cả anh và chị vẫn sống ly thân, không có biện pháp gì để cải thiện cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa lần 2 anh S vẫn vắng mặt không có lý do; chị P vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, với điều kiện, hoàn cảnh như hiện

nay thì anh chị không có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc; nhận định của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, do vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P. Anh S không đến Toà thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, không tham gia hòa giải; không có biện pháp gì cải thiện tình cảm vợ chồng nên không có căn cứ để xem xét.

2.2. Con chung: Không có.

2.3. Tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

2.4. Nợ chung: Chị P xác nhận quá trình chung sống anh chị không có khoản vay nợ nào chung, không yêu cầu Tòa giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

3. Án phí: Chị P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị P, anh S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 18, Điều 26, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử:*

1. **Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị P**.

Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Phạm Ngọc S.

2. **Con chung**: Không có.

3. **Tài sản chung** (gồm động sản và bất động sản): Chị P không yêu cầu nên không xét.

4. **Nợ chung**: Chị P xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu nên không xét.

5. **Án phí**: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0069484 ngày 10/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Ngọc S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- Cơ quan Thi hành án quận Đống Đa;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Quân**